

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Bạch Yến;

2. Ông Nguyễn Văn Minh;

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp.

Vào ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Ngô Tuấn C, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 chị T và anh C quen biết và chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại U, Quận H, TP. (nay là Phường C, TP.) được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/8/2016.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C hay đi nhậu về đánh đập và đe dọa vợ con, công việc không

ổn định, chị T phải tự lo và chăm sóc cho con. Chị T nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không thay đổi, đến năm 2023 thì anh C bỏ đi, thời gian bỏ đi thì anh C chỉ liên hệ với con nhưng không liên hệ với chị T để hàn gắn tình cảm. Nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Tuấn C.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung là Ngô Hoàng Y, sinh ngày 11/05/2016 hiện con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Tuấn C có văn bản ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: chị T và anh C chung sống với nhau vào năm 2016, không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2016 tại U, Quận H, TP . Minh (nay là Phường C, TP .). Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về tình cảm và về kinh tế. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ lúc chị T gửi đơn ly hôn cho đến nay. Thời gian sống ly thân do tình cảm rạn nứt nên không thể hàn gắn được vì vậy chị T yêu cầu ly hôn thì anh C cũng đồng ý.

- Về con chung: có 01 con chung là Ngô Hoàng Y, sinh ngày 11/05/2016 hiện con đang sống với chị T. Anh C đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện chị Bùi Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Tuấn C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện anh Ngô Tuấn C cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 8-Dồng Tháp có thẩm quyền giải quyết.

Chị Bùi Ngọc T và anh Ngô Tuấn C có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc T, Hội đồng xét thấy như sau:

Qua lời khai của chị T và anh C đã xác định: Vào năm 2016 chị T và anh C quen biết và chung sống với nhau vào năm 2016, không có tổ chức lễ cưới, có

đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường U, quận H, TP . (nay là Phường C, TP .) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/8/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về tình cảm và mâu thuẫn về kinh tế nên anh C bỏ đi từ năm 2023 đến nay. Từ khi sống ly thân thì vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm trở lại được do đó chị T yêu cầu ly hôn thì anh C cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh C đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Bùi Ngọc T yêu cầu xin ly hôn, anh Ngô Tuấn C cũng đồng ý do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc T.

[2.2] Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung:

- Về con chung: từ khi chị T và anh C sống ly thân cháu Ngô Hoàng Y sinh sống với chị T, cuộc sống của cháu đã ổn định, cháu Y cũng có nguyện vọng được sống với chị T, anh C cũng đồng ý để cháu Y cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, nên để cháu Y cho chị T1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

- Về tài sản chung: Chị T và anh C xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh C xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Ngọc T được ly hôn với anh Ngô Tuấn C.

2. Về con chung: chị Bùi Ngọc T được quyền nuôi con chung tên Ngô Hoàng Y, sinh ngày 11/05/2016 sau khi ly hôn (cháu Y đang sống với chị T). Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Ngọc T và anh Ngô Tuấn C xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Bùi Ngọc T và anh Ngô Tuấn C xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009600 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực 8;
- UBND Phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh (Phường 2, quận 8, TP. Hồ Chí Minh): số 100 ngày 25/8/2016;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan